

GIÁ TRỊ BIỂU CẢM CỦA SƠN TRUYỀN THỐNG TRÊN KIỂU THỨC TRANG TRÍ DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ

◆ THS. ĐỖ XUÂN PHÚ

Sơn truyền thống trên trang trí di tích của thời Nguyễn (1802-1945) là những đồ sơn có giá trị thẩm mỹ độc đáo mà thời Nguyễn đã kế thừa, phát huy giá trị của xứ Đàng Ngoài để làm phong phú các kiểu thức trang trí ở sơn truyền thống xứ Đàng Trong tại di tích cổ đô Huế.

Trải qua hơn một thế kỷ, tính dân gian, tính tâm linh và các ý nghĩa nhân văn của sơn truyền thống trên trang trí vẫn tồn tại qua sự hòa quyện của những sắc màu cổ kính của chất liệu sơn truyền thống với hoạ tiết trang trí trên các công trình kiến trúc, tạo thành mạch chảy xuyên suốt mỹ thuật cung đình thời Nguyễn, như: Điện Thái Hoà, Thế Miếu, Hưng Miếu, Hiển Lâm Các... và một số lăng tẩm khác.

Sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã cho triển khai quy hoạch tổng thể và xây dựng hệ thống các công trình kiến trúc cung đình thời Nguyễn tại kinh đô Phú Xuân. Mỗi một công trình kiến trúc nghệ thuật đều phản ánh sâu sắc hơi thở cuộc sống đương thời, hay nói cách khác, quá trình hình thành di tích lịch sử đó gắn liền với những biến cố thăng trầm của cả một thời kỳ, một chế độ xã hội mà công trình đó được dựng xây. Di tích mang trong mình những giá trị to lớn không chỉ về lịch sử, nghệ thuật mà cả về mặt văn hóa tâm linh – những giá trị được hậu thế ngày nay tôn vinh như những di chỉ của ký ức. Quần thể di tích cổ đô Huế là một điển hình và cũng không vượt ra khỏi quy luật ấy - vẫn còn giữ lại dáng vẻ cổ kính của một thời, là một tuyệt

tác của tiền nhân về nghệ thuật kiến trúc trang trí, trong đó công trình kiến trúc gỗ mang đặc trưng sơn truyền thống và nghệ thuật trang trí dân tộc. Điều đó có được phần lớn nhờ vua chúa Nguyễn đã quy tụ những danh nhân kiệt xuất trong lĩnh vực mỹ thuật của xứ Đàng Trong, Đàng Ngoài, làm đẹp công trình bằng chất liệu sơn độc đáo, góp phần hình thành nên phong cách mỹ thuật riêng và đánh dấu bước phát triển mỹ thuật cung đình thời Nguyễn. Mỹ thuật Nguyễn giữ được nét riêng, tính độc đáo của mình về kiến trúc cũng như nghệ thuật sơn truyền thống trong Hoàng Thành: "...Cung điện và lăng tẩm của Huế vẫn có cái riêng của chúng. Cái riêng ấy của Huế phải chăng chính là chất cung đình trong Mỹ thuật Nguyễn"¹.

Có thể khẳng định, thời Nguyễn - triều đại cuối cùng của chế độ phong kiến - đã để lại cho nhân loại những giá trị nghệ thuật đồ sộ về kiến trúc, điêu khắc. Đặc biệt, những kiểu thức trang trí cầu kỳ, độc đáo kết hợp với cách xử lý chất liệu điển hình đã góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa Việt và làm nên một dấu ấn riêng của mỹ thuật cung đình triều Nguyễn. Nghệ thuật trang trí đỉnh cao của thời Nguyễn đã chú trọng đến những họa tiết trang trí mang ý nghĩa nhân văn về chân-thiện-mỹ, với những sắc màu cổ kính, huyền ảo, ấm cúng của sơn son thếp vàng... làm nổi bật chủ đề về một thời kỳ vàng son tráng lệ. Bởi vậy, khi bàn luận về *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế*, tác giả Nguyễn Hữu Thông đã nhận xét: "Quần thể kiến trúc, điêu khắc, trang trí... gần như nguyên vẹn của Huế,

là hình ảnh đặc trưng nhất của những nét đẹp Việt Nam thế kỷ XIX²².

1. Giá trị biểu cảm của màu sắc mang tính đặc trưng ở di tích cổ đô Huế.

Mỹ thuật cung đình thời Nguyễn đạt được những giá trị tạo hình ở nhiều phương diện, ngoài giá trị thẩm mỹ của đường nét, màu sắc đóng vai trò quan trọng của họa tiết trang trí. Chẳng hạn, yếu tố màu đỏ/màu son góp phần làm tăng giá trị tạo hình bằng cảm xúc thẩm mỹ. Bản thân mỗi màu chứa đựng rất phong phú về sắc độ, trong đó màu son nhiều sắc như son tươi, son trai và son thắm... thuận lợi cho việc đặt cạnh nhau và tạo hiệu ứng hài hòa, độc đáo. Chúng có giá trị hơn mỗi khi được hòa quyện với sơn cánh gián/sơn chín tạo nên sắc độ đậm ấm và cường độ màu của chúng giảm xuống (không còn cường độ màu mạnh như ban đầu). Chẳng hạn, người thợ sơn pha trộn một lượng sơn cánh gián có tỷ lệ ít sẽ cho ra màu son tươi, nếu hòa trộn lượng sơn cánh gián nhiều sẽ có kết quả màu son thắm hơn (không tươi tắn, rực rỡ), thậm chí, cho nhiều sơn màu son sẽ chuyển sang màu đỏ nâu đến nâu đen... Cho nên, trong việc tô vẽ màu lên các họa tiết trang trí bằng sơn truyền thống, người thợ sơn khéo léo biết chọn màu son để phù hợp với chức năng sử dụng trong mỗi công trình. Bàn luận về màu son GS. TS. Chu Quang Trứ đã khẳng định: "...Màu đỏ của sơn son đậm thắm và tươi rói, màu nâu của sơn cánh gián chắc nịch và trong như hồ phách..."²³.

Màu sắc trong thiên nhiên rất đa dạng, từ cỏ cây, hoa lá cho đến các loài chim thú, động vật hoang dã, màu sắc cầu vồng... Đặc biệt, trong cuộc sống thường nhật, màu sắc biểu hiện khá phong phú trên các đồ dùng sinh hoạt trong và ngoài cung đình, biểu hiện của màu khá phức tạp bởi sự nhận thức và cảm thụ thị giác của con người. Màu và sắc là hai phạm trù của triết lý, trong bản thân màu có sắc và trong sắc có màu; màu là một thuộc tính của một màu nào đó như

màu đỏ, màu vàng... còn sắc đỏ có nhiều gam như đậm, nhạt... Màu sắc được chỉ định vị thế của một màu trong quang phổ hoặc trong bảng màu, nó hiện diện như sự biến đổi nhiều màu khác nhau và tùy thuộc vào công năng sử dụng. Chúng là yếu tố hấp dẫn trực tiếp của cảm thụ thị giác mà con mắt chúng ta nhận biết, con người có thể thích thú hay chê bai một màu nào đó bất kỳ, nhưng xét cho thấu đáo thì bản thân của mỗi màu không có màu nào là xấu, chỉ có tâm lý và quan niệm của mỗi chúng ta không thích nó mà thôi. Một số người không biết về nguyên lý của màu và cách đặt chúng gần nhau để tạo hài hòa màu hoặc tương phản màu nên dẫn đến quan niệm chưa đúng về chúng. Bởi vậy, trong quần thể di tích cổ đô Huế, cặp màu đỏ/vàng, đỏ/đen tạo hiệu ứng bắt mắt, gây cảm xúc màu rực rỡ trên các kiểu thức trang trí.

Màu sắc là một trong những yếu tố biểu cảm trực tiếp lên thị giác về cảm xúc, tâm lý, liên tưởng của mỗi con người. Tùy vào yếu tố khí hậu, địa lý, kinh tế, tôn giáo, tín ngưỡng và các tập tục văn hoá của mỗi vùng miền, mỗi dân tộc để hình thành nên một tâm lý màu riêng; miền Bắc thường xuyên có khí hậu lạnh và giá rét, miền Trung (trong đó có Thừa Thiên-Huế) thường xuyên mưa gió, bão tố, lũ lụt và kèm theo giá lạnh nên cung đình thời Nguyễn cho tô vẽ gam màu nóng của màu son/đỏ trong các công trình kiến trúc. Chính vì vậy, màu son chủ đạo các kiến trúc gỗ có họa tiết trang trí, chúng được đặt cạnh bên màu vàng/vàng lá tạo thành cặp màu mạnh mẽ, rực rỡ, uy nghi và sang trọng đến lạ thường. PGS.TS. Lê Huyền nhận định: "Màu sắc của sơn thật đơn giản nhưng có ý nghĩa khái quát cao... phù hợp với những biểu đạt và tâm lý tôn giáo, tâm lý cung đình... trở thành hào hoa lộng lẫy, tôn vinh giá trị thẩm mỹ..."²⁴.

Màu đỏ có giá trị hơn mỗi khi màu vàng xuất hiện trên các họa tiết trang trí, chúng là hai cặp màu hài hòa và bổ túc cho nhau bởi vì trong màu

đỏ có phát ra hào quang màu vàng và ngược lại; chúng biểu lộ rõ trên nghệ thuật trang trí di tích bằng sơn truyền thống. Màu sắc trong trang trí di tích cổ đô Huế, mang tính truyền thống rõ rệt, tập trung chủ yếu màu đỏ tươi/đỏ gạch trong trang trí nơi thờ cúng Tổ tiên như ở Thế Miếu, Hưng Miếu, Triệu Miếu, lăng tẩm các chúa Nguyễn... còn màu đỏ thẫm - tượng trưng của dân gian - được sử dụng để trang trí ở những nơi thường xuyên tiếp xúc với các quan văn, quan võ, nhân dân và đối ngoại, như: công trình có sơn thẫm - chất liệu sơn truyền thống - ở cổng Đại Nội, Tả/Hữu vu, Duyệt Thị Đường, Hiền Lâm Các và Điện Thái Hòa. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát ở quần thể di tích cổ đô Huế, chúng tôi thấy hầu hết các công trình có chất liệu sơn truyền thống đã được đồng hóa một màu sơn/sơn tươi có cường độ màu đỏ chói lọi và rực rỡ khác với bản màu gốc thời Nguyễn trên các công trình có sơn truyền thống của di tích mà chúng tôi tìm được qua sử liệu. Như vậy, trong quá trình trùng tu, người thợ/nghệ nhân và nhà quản lý đã “đồng hóa” chúng. Bởi lẽ, để có hai màu sơn truyền thống này, đòi hỏi người thợ sơn/quản lý công trình phải có trình độ cao, có chuyên môn sâu hoặc có kinh nghiệm lâu đời mới có thể đáp ứng được những yêu cầu về sơn truyền thống gốc của kiến trúc chúa Nguyễn, từ đó, có cơ sở bảo tồn giá trị gốc của màu sắc trên trang trí di tích và thực hiện đúng với giá trị thực tiễn của sơn truyền thống thời Nguyễn để lại. Về vấn đề này, tác giả Trần Lâm Biên khẳng định: “...về màu đỏ sử dụng trong trang trí ở kiến trúc thường dùng hai loại với hai tính chất khác nhau. Dưới dạng màu đỏ thẫm thường được dùng cho những kiến trúc gắn với cuộc sống trần gian, màu đỏ non (thường màu gạch) gắn với cuộc sống thần linh hay các kiếp đời đã qua” và “...màu đỏ ở kiến trúc cung đình Huế cũng là màu sinh khí và đậm nhạt khác nhau đã như gắn với hai kiếp đời khác nhau”⁵. Tuy nhiên, trong thực tế, chất liệu sơn truyền

thống được sử dụng ở các công trình ở Điện Thái Hòa, Duyệt Thị Đường hoàn toàn có màu đỏ rực rỡ giống nhau như ở Thế Miếu, Hưng Miếu (là địa điểm thờ cúng các chúa Nguyễn và thân phụ chúa Nguyễn).

Tính chất và thành phần của màu sắc hỗ trợ tích cực trong mỗi công việc cụ thể. Trong cung đình không thể không chọn bột màu đỏ (màu son), màu vàng, vàng lá và sơn then/đen trong công việc trùng tu bảo tồn chất liệu sơn truyền thống. Có thể thấy bột màu được sử dụng trong di tích là loại bột màu mang tính trang sức, chức năng của nó ngoài việc làm đẹp về hình thức bên ngoài của kiến trúc gỗ còn có nhiệm vụ bảo quản gỗ trước sự tác động của ánh sáng mặt trời và nâng cao độ bền vững cho các công trình có sử dụng sơn truyền thống. Tính ưu việt của bột màu là tạo độ bền và làm đẹp các họa tiết trang trí bằng sơn truyền thống, trong đó màu vàng có thành phần FO_2O_3 , màu đỏ $3CdS$, $2CdSe$ (hoặc bột màu hữu cơ Aminotoluen đỏ), những màu có đặc trưng như vậy sẽ thích nghi thời tiết theo từng mùa, tạo sự ổn định và có hiệu quả tốt cho quá trình sơn sửa, bảo tồn.

Ngoài ra, màu đỏ/màu son còn có tính ngũ phương trong đời sống. Triết lý âm dương là cơ sở hình thành nên tính cách của người Việt. Có nhiều câu tục ngữ, ca dao phản ánh về quy luật “âm dương đối đãi, hài hòa” và “trong rủi có may”, “trong họa có phúc”, “đầu đội trời chân đạp đất”... Theo GS.TSKH Trần Ngọc Thêm “... Tư tưởng âm dương là một sản phẩm trừu tượng hoá từ ý niệm và ước mơ của cư dân nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp lúa nước, về sự sinh sản của hai đối tượng quan trọng là hoa màu và con người”⁶.

Màu đỏ/đen là cặp màu mang tính đối lập về sắc độ, đỏ (dương) đen (âm) rõ nét, ứng với hành Thủy-Hỏa song song với phương Bắc-Nam. Màu đỏ có ý nghĩa sâu sắc trong tiềm thức của mỗi

con người. Nó biểu hiện màu của phương Nam, của Nam tiến, màu của sự ấm áp, của hạnh phúc trường tồn. Nó giống như dòng máu đem lại sự sống cho tất cả các loài động vật bậc thấp và bậc cao. Với triết lý con người cần sống có ích cho xã hội, những người thợ đã sử dụng sắc màu đỏ thắm và đỏ tươi để tô vẽ, chạm khắc những họa tiết trang trí trong di tích cố đô Huế.

2. Tính triết lý của sơn truyền thống trong nghệ thuật trang trí

Thoáng nhìn các công trình có sơn truyền thống trong nghệ thuật trang trí di tích, chúng ta tưởng chừng như mọi việc diễn ra đơn giản, nhưng thực ra bản chất của công việc này rất công phu và đòi hỏi người thợ phải có sự hiểu biết chắc chắn về kỹ thuật làm nền cho các công trình có sử dụng chất liệu sơn truyền thống (chưa kể tay nghề thành thạo mới đạt hiệu quả cao trong các công đoạn và cần sự kiên trì chịu khó của người thợ sơn). Tất nhiên, ngoài yếu tố con người thì các phương tiện, nguyên vật liệu phục vụ việc sơn sửa, trùng tu, bảo tồn không thể thiếu và rất cần thiết. Để tiến hành công việc, đòi hỏi phải mất thời gian khá dài, có thể hàng tháng, hàng năm, với sự kiên trì, sáng tạo của người thợ sơn: “Theo lối kỹ thuật cổ truyền, để tô tượng, sơn sơn thép vàng cho các đồ thờ, cốt gỗ đều qua các khâu phất vải, hom, bó, thí. Từ nước sơn này đến nước sơn khác đều phải đem ra mài đá với nước nhằm tạo cho nền mộc được phẳng trơn, nhẵn nhụi đồng thệt như sừng. Sau đó mới đến nước sơn áo ngoài để hoàn thành sản phẩm. Nước sơn quang ngoài này có thể là nền sơn then tuyền bóng lộng, có thể là nền đỏ rực rỡ, có thể là lớp vàng bạc phủ hoàn kim hoặc thép vàng để trần lộng lẫy”⁷.

Rõ ràng, yếu tố về kỹ thuật các lớp sơn đóng vai trò quan trọng. Nó làm nền cốt cho nghệ thuật họa hình trang trí trên kiến trúc gỗ đạt hiệu quả thẩm mỹ cao. Có thể nói, chất liệu sơn ở thời

Nguyễn ở Việt Nam và Trung Hoa có sự tương đồng - xuất phát từ sự giao thoa giữa hai nền văn hóa có nguồn gốc cây sơn, trên tinh thần làm đẹp cung điện - nên trong trang trí, cần đến các lớp sơn được làm nền bằng phẳng, bóng loáng và đẹp cho họa tiết trang trí phô trương trên sơn sơn thép vàng lộng lẫy.

Triết lý của mỗi lớp sơn trên nền cốt mộc không chỉ có giá trị về mặt công sức lao động của những người thợ mà độ dày của các lớp sơn còn bảo đảm cho việc vẽ các đề tài trang trí. Kỹ thuật này đòi hỏi người thợ phải tuân thủ nghiêm khắc trong tất cả các khâu “Từ cốt mộc đi đến nước sơn cuối phải qua từ 8 đến 10 lượt nước sơn kê cả các nước sơn sống và sơn chín”⁸. Muốn làm nền cốt gỗ phải qua nhiều công đoạn rất công phu và tiêu hao nhiều nguyên vật liệu, mỗi nước sơn cần có thời gian cho các lớp sơn khô kiệt; đồng thời, người thợ phải biết chọn lựa sơn sống có nồng độ tốt để trộn với bột chu và chính điều kiện này giúp cho các lớp sơn trong di tích có giá trị bền vững tuyệt đối.

3. Tính tâm linh của màu sơn và màu vàng/vàng quỳ trên trang trí di tích cố đô Huế

Màu sơn hay gọi là màu đỏ có ý nghĩa khái quát cao, phù hợp với những biểu đạt tâm lý tôn giáo, tâm lý lễ hội. Màu sơn trong cung đình tô điểm cho nghệ thuật kiến trúc với các đồ sơn lộng lẫy, biểu hiện tính trang nghiêm của cung điện đền đài, với niềm tin, hy vọng quốc thái dân an; màu sơn biểu hiện tính tâm linh, tín ngưỡng, uy nghi của nơi thờ cúng trong các nghi lễ triều đình. Ngoài ra, trong tiềm thức của người Việt, màu sơn luôn đem lại niềm tin gắn liền với hạnh phúc, phồn thịnh, sự no đủ nên màu này được sử dụng nhiều trong cung điện, đình chùa, lễ hội.

Văn hoá tâm linh luôn tồn tại trong mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng ở phương Đông. Văn hóa gia đình, văn hóa xã hội có giá trị vững chắc cho sự tồn tại của văn hoá tâm linh. Những thay đổi về

cấu trúc và chức năng, về trạng thái xã hội không làm mai một hay mất đi giá trị văn hoá tâm linh của văn hóa gia đình, cung đình mà chúng còn tương tác và tạo nên văn hoá tâm linh bền vững của cung đình thời Nguyễn.

Văn hoá tâm linh rất trừu tượng, bắt nguồn từ những giá trị của cuộc sống, được thể hiện trong các di tích lịch sử phù hợp với tính triết lý của đạo pháp thông qua việc các nghệ nhân lấy màu từ thiên nhiên - đặc biệt là những gam màu nồng ấm - để tô vẽ, trang trí nhằm giữ được sắc thái tôn nghiêm, khả năng trừ tà ác, thể hiện bản lĩnh, sức mạnh phi thường của các vị Phật, Thánh, Thần. Trong di tích cố đô Huế, vàng quý tuy là một chất liệu đắt đỏ, nhưng vẫn được chúa Nguyễn sử dụng trên các công trình trang trí tiêu biểu như Ngai vàng, các án thờ chúa Nguyễn, các đồ sơn... Màu vàng còn biểu hiện sự sang trọng của hoàng gia và trang nghiêm nơi thờ cúng Tổ tiên của các chúa Nguyễn, bởi "Màu vàng (Hoàn kim) gây cảm giác hào hoa, mênh mông, lộng lẫy và linh thiêng"⁹. Ở Việt Nam, việc sử dụng vàng lá trong di tích lịch sử, trong Hoàng cung, chùa chiền... đã có từ lâu. Những đồ sơn, pho tượng gỗ được khoác lên một lớp sơn thếp và màu của vàng lá/vàng quý, đem lại sự lộng lẫy, nghiêm trang, linh thiêng phù hợp với tâm lý thẩm mỹ Á Đông của người Việt.

Thời Nguyễn, việc kế thừa bảo tồn vàng lá là việc làm cần phải quan tâm thực hiện bởi nó đem lại giá trị của sắc vàng lộng lẫy trong cung điện. Một số công trình kiến trúc được làm bằng chất liệu sơn truyền thống dát vàng lá trên các họa tiết trang trí đã đem lại độ bền và giá trị thẩm mỹ nhất định. Màu vàng được sử dụng khá phổ biến cho các họa tiết trang trí trên kiến trúc gỗ và biểu đạt nhiều nhất ở điện Thái Hoà. Màu vàng bình thường có sắc độ trầm lắng, còn màu vàng của hoàn kim có sắc độ rực sáng lung linh, mỗi khi chúng được đặt cạnh với màu sơn tạo thành cặp màu rực rỡ cho chất liệu sơn truyền thống được lộng lẫy thăng hoa. Màu vàng trên ngai vàng của

điện Thái Hoà, màu vàng trên các chiếc áo hoàng bào của nhà vua là điểm nhấn về sức mạnh của một vương triều. Màu vàng hiện hữu trên các hình tượng rồng khải định uy quyền của nhà vua và làm sang trọng cho một thời kỳ trị nước.

Tóm lại, những giá trị nghệ thuật tạo hình ở các kiểu thức trang trí di tích cố đô Huế đã đem lại giá trị biểu cảm cho sơn truyền thống, góp phần làm cho mỹ thuật cung đình Nguyễn phát triển trong dòng mỹ cảm của mỹ thuật dân tộc. Đồng thời, giá trị biểu cảm của sơn truyền thống cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong việc tạo nên sự thăng hoa cho nghệ thuật trang trí kiến trúc di tích cố đô Huế. Những đề tài trang trí ở đây mang đậm chất cung đình và dân gian bởi hình thức thể hiện, bút pháp và phong cách xử lý tinh tế, phản ánh được trình độ sáng tạo và kỹ năng trang trí điêu luyện của nghệ nhân vẽ và chạm khắc. □

Chú thích:

¹ Trần Lâm Biền (2000), *Huế, Mỹ thuật Nguyễn, Những cái riêng*, in trong: "Những con đường tiếp cận lịch sử", Nxb Văn hoá Dân tộc; tr. 177

² Nguyễn Hữu Thông (1992), *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế*, Nxb Hội Nhà văn; tr. 32.

³ Chu Quang Trứ (2010), *Văn hóa Việt Nam nhìn từ Mỹ thuật*, Nxb Thời đại; tr. 387

⁴ Lê Huyền (2003), *Nghề sơn cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật; tr. 205-206.

⁵ Trần Lâm Biền (1992), *Mỹ thuật Huế*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế xuất bản; tr. 52-53

⁶ Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh; tr. 110.

⁷ Phạm Đức Cường (2001), *Kỹ thuật Sơn mài*, Nxb Văn hoá Thông tin; tr. 13.

⁸ Phạm Đức Cường (2001), *Kỹ thuật Sơn mài*, Nxb Văn hoá Thông tin; tr. 23.

⁹ Lê Huyền (2003), *Nghề sơn cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật; tr. 206.